

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA CHẼ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 10 - 2019
V/v “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHẼ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

- Các Hội thẩm nhân:

1. Bà Đỗ Thị Tho.

2. Bà Lê Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Văn Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ tham gia phiên tòa:

Ông Tô Minh Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1983.

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Bàn A N, sinh ngày 04 tháng 04 năm 1984

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày: Tôi và anh Bàn A N kết hôn với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Quảng Ninh. Việc kết hôn giữa tôi và anh N là do hai bên gia đình mai mối và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán ở địa phương, trước khi kết hôn không có thời gian

tìm hiểu nhau và cả tôi và anh N chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về sống cùng bố mẹ đẻ anh N tại thôn L, xã Đ, huyện B được hơn một tháng thì vợ chồng làm nhà ở riêng cạnh nhà bố mẹ chồng từ đó đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng êm đềm, hạnh phúc, cho đến thời điểm đầu năm 2015 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không được tìm hiểu nhau nên tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống, chồng tôi thường xuyên rượu chè, cờ bạc, đánh đập tôi nhiều lần, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình nội ngoại và các đoàn thể khuyên bảo và hòa giải nhiều lần nhưng anh N vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc; vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa; hôn nhân không thể kéo dài. Từ đầu năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn chung sống với nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bàn A N theo qui định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tôi có ba con chung là Bàn Thị H, sinh ngày 29/4/2004; Bàn Trung M, sinh ngày 24/8/2006 và Bàn Thị H1, sinh ngày 15/3/2010. Hiện nay cháu H và cháu H1 đang ở cùng tôi, cháu M đang ở cùng chồng tôi. Ly hôn nguyện vọng của tôi là được nuôi hai con chung là Bàn Thị H và Bàn Thị H1 còn con chung Bàn Trung M để chồng tôi nuôi đến tuổi trưởng thành tôi và anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Bàn A N không có mặt để tham gia tố tụng tại tòa án, mặc dù tòa án đã niêm yết công khai và tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ của Tòa án. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Bàn A N vẫn vắng mặt không có lý do.

*Tại biên bản lấy lời khai, cháu H và cháu H1 trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu ở với mẹ, cháu M có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

*Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh N đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ. Về con chung và tài sản chung đề nghị tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và

nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Triệu Thị H; Về con chung: Giao hai cháu Bàn Thị H và Bàn Thị H1 cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Bàn Trung M cho anh N nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị Triệu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh N theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn anh N.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Về hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh và được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 12/2003 quyển số ... ngày 25 tháng 05 năm 2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh N là người vũ phu, hay rượu chè, cờ bạc về đánh vợ, con do đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên to tiếng. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh N vì cho rằng không còn tình cảm với anh N, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay. Chính quyền địa phương nơi chị H và anh N cư trú đã xác nhận, chị H và anh N mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Trong thời gian ly thân và quá trình tòa án giải quyết vụ án anh N không có mặt để tiến hành thủ tục hòa giải, thể hiện anh N không có thiện chí để đoàn tụ. Do vậy, xét thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn anh N

là có cơ sở chấp nhận phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh N có ba con chung là Bàn Thị H, sinh ngày 29/4/2004; Bàn Trung M, sinh ngày 24/8/2006 và Bàn Thị H1, sinh ngày 15/3/2010. Hiện nay cháu H và cháu H1 đang ở cùng chị H, cháu M đang ở cùng anh N. Ly hôn nguyện vọng của chị H là được nuôi dạy hai con chung là Bàn Thị H và Bàn Thị H1 còn con chung Bàn Trung M để anh N nuôi dạy đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Tại phiên tòa hôm nay cháu H có mặt và có ý kiến nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Các cháu H1, M đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là cháu H1 sẽ ở với mẹ, cháu M sẽ ở với bố. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của chị H và phù hợp với nguyện vọng của ba cháu H, H1, M nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị H là đối tượng được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tại phiên tòa sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích các qui định của pháp luật về việc miễn án phí nhưng chị H không có yêu cầu xin được miễn án phí chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Triệu Thị H được ly hôn anh Bàn A N.

2. Về con chung: Giao cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Bàn Thị H, sinh ngày 29/4/2004 và Bàn Thị H1, sinh ngày 15/3/2010; anh Bàn A N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bàn Trung M, sinh ngày 24/8/2006 cho đến khi thành niên(Đủ 18 tuổi). Chị H và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001244 ngày 15/ 7 /2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B,

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hay niêm yết công khai bản án đúng theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

TAND tỉnh QN;
VKSND huyện Ba Chẽ;
- Chi cục THADS huyện B ;
UBND xã Đ;
Các đương sự;
Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thái